

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN  
TRƯỜNG THCS THANH AM**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN 9**

(Từ ngày 30/3 – 4/4/2020)

**Phần I (4,0 điểm). Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng. Nghệ sĩ giới thiệu với chúng ta một cảm giác, tình tự, một tư tưởng bằng cách làm sống hiển hiện lên ngay trong tâm hồn chúng ta cảm giác, tình tự, tư tưởng ấy. Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy. Bắt rễ ở cuộc đời hằng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn con người. Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và căm hờn được nhiều hơn, tai mắt biết nhìn, biết nghe thêm tế nhị, sống được nhiều hơn. Nghệ thuật giải phóng được cho con người khỏi những biên giới của chính mình, nghệ thuật xây dựng con người, hay nói đúng hơn, làm cho con người tự xây dựng được. Trên nền tảng cuộc sống của xã hội, nghệ thuật xây dựng đời sống tâm hồn cho xã hội.*

(Trích **Ngữ văn 9**, Tập 2 - NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, trang 15)

**Câu 1.** Đoạn trích trên trích từ văn bản nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời của văn bản?

**Câu 2.** Trong câu “*Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy.*” tác giả đã sử dụng phép tu từ gì? Hãy nêu ngắn gọn tác dụng của phép tu từ đó?

**Câu 3.** Viết một đoạn văn ngắn (độ dài tối đa 3/4 trang), trình bày suy nghĩ của em về vai trò của văn nghệ trong cuộc sống.

**Phần II. (6đ)**

Cho câu thơ sau:

*“Mùa xuân người cầm súng”*

1. Chép tiếp 7 câu còn lại để hoàn thiện đoạn thơ. Nêu tên tác giả, tác phẩm và hoàn cảnh ra đời của bài thơ có đoạn thơ trên? (2đ)

2. Cụm từ “mùa xuân” được nhắc lại mấy lần trong bài? Tại sao nhà thơ lại muốn làm “một mùa xuân nho nhỏ” ?

3. Bằng một đoạn văn T-P-H khoảng 10-12 câu, phân tích đoạn thơ em vừa chép. Trong đoạn văn có sử dụng một phép thế, 01 câu có chứa thành phần biệt lập (Gạch chân, chỉ rõ) (3,5đ)

4. Trong chương trình Ngữ Văn 9 cũng có văn bản nói về những con người “lặng lẽ dâng cho đời”. Nêu tên văn bản đó cùng tên tác giả? (0,5đ)

## NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ 9

(Từ ngày 30/3 – 4/4/2020)

### A. LÝ THUYẾT

**Chủ đề : CUỘC CÁCH MẠNG KHKT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

**Yêu cầu HS đọc lại nội dung bài học trong SGK Lịch sử 9 trước khi làm bài tập.**

### B. BÀI TẬP

#### I. Tự luận

1. Nêu những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật diễn ra từ năm 1945 đến nay.
2. Những thành tựu của cuộc cách mạng KHKT đã tác động như thế nào đến cuộc sống của con người.

#### II. Trắc nghiệm

**Câu 1. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ 2 được khởi đầu ở nước nào ?**

- A. Anh.                      B. Nhật.                      C. Mĩ.                      D. Liên Xô.

**Câu 2. Điểm khác biệt cơ bản giữa cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất là gì ?**

- A. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.  
B. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.  
C. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt dựa vào các ngành khoa học cơ bản.  
D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

**Câu 3. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của**

- A. cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ nhất.      B. cách mạng công nghiệp.  
C. cách mạng văn minh Tin học.                      D. cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai.

**Câu 4. Loại công cụ lao động nào do cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai tạo nên đã được xem như "trung tâm thần kinh" kỹ thuật, thay con người trong toàn bộ quá trình sản xuất liên tục ?**

- A. "Người máy" (Ro-bot).                      B. Máy tính điện tử.  
C. Hệ thống máy tự động.                      D. Máy tự động.

**Câu 5. Phát minh khoa học trong lĩnh vực nào góp phần quan trọng trong việc sản xuất ra những công cụ mới, vật liệu mới, nguồn năng lượng mới?**

- A. Toán học.                      B. Vật lí học.                      C. Hóa học.                      D. Sinh học.

**Câu 6. Thành tựu quan trọng nào của cách mạng khoa học-kỹ thuật đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?**

- A. Phát minh sinh học.                      B. Phát minh hóa học.  
C. "Cách mạng xanh".                      D. Tạo ra công cụ lao động mới.

**Câu 7. Nước nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ ?**

- A. Mĩ.                      B. Liên Xô.                      C. Nhật.                      D. Trung Quốc.

**Câu 8. Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại dẫn đến một hiện tượng gì ?**

- A. Sự đầu tư và khoa học cho lãi cao.                      B. Sự bùng nổ thông tin.  
C. Nhiều người đầu tư vào việc phát minh sáng chế.      D. Chảy máu chất xám.

**Câu 9. Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai?**

- A. Tạo ra một khối lượng hàng hoá đồ sộ.  
B. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.  
C. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.  
D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

**Câu 10. Đâu là hạn chế cơ bản nhất trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật lần thứ hai?**

- A. Cách mạng khoa học kỹ thuật chế tạo vũ khí đẩy nhân loại trước một cuộc chiến tranh mới.
- B. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân.
- C. Chế tạo các loại vũ khí và phương tiện có tính chất tàn phá, hủy diệt. Nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn, bệnh tật.
- D. Nạn khủng bố, gây nên tình hình căng thẳng.

# NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN GDCD

(Từ ngày 30/3/2020 – 4/4/2020)

Năm học: 2019 – 2020

## I. Bài tập

### Bài tập 1:

Trang ở trong đội Thanh niên xung kích và được giao nhiệm vụ trực ở cổng trường ghi tên các bạn đi học muộn. Một hôm, trong số các bạn đi học muộn có Quân - em họ của Trang học ở lớp dưới. Nhìn thấy Quân, Trang giục em đi thật nhanh vào bên trong sân trường và không ghi tên em vào sổ trực của mình.

*Câu hỏi:*

1/ Em có đồng tình với việc Trang làm không? Vì sao ?

2/ Em sẽ xử lí như thế nào trong tình huống ấy ? Vì sao em chọn cách xử lí như vậy?

### Bài tập 2:

Lan (26 tuổi) và Tuấn (24 tuổi) yêu nhau đã lâu. Khi hai người thưa chuyện với gia đình thì mẹ Lan nhất định không đồng ý vì cho rằng Tuấn ít tuổi hơn Lan, nếu lấy nhau sau này Lan sẽ già hơn chồng và sẽ không hạnh phúc. Lan và Tuấn giải thích mãi nhưng mẹ Lan vẫn không đồng ý. Theo bà, con cái phải nghe lời cha mẹ. Bà còn dọa sẽ từ con nếu Lan cứ làm theo ý mình.

*Câu hỏi:*

1/ Mẹ Lan có quyền ngăn cản việc kết hôn của Lan và Tuấn không? Vì sao?

2/ Lan và Tuấn có thể làm gì để thực hiện được ý nguyện của mình?

## II. Trắc nghiệm

### Câu 1: Chí công vô tư là gì ?

- A. Không thiên vị , giải quyết công việc theo lẽ phải , xuất phát từ lợi ích chung
- B. Luôn bình tĩnh tự tin và biết điều chỉnh hành vi của mình .
- C. Làm chủ suy nghĩ , tình cảm của mình.
- D. Giải quyết công việc theo lẽ phải .

### Câu 2: Biểu hiện của chí công vô tư là gì?

- A. Giúp đỡ người thân nào đem lại lợi ích cho mình.
- B. Làm việc theo ý mình .
- C. Làm việc theo sự chỉ đạo của người khác mà không suy nghĩ.
- D. Không thiên vị, giải quyết công việc theo lẽ phải.

### Câu 3: Dòng nào không thể hiện ý nghĩa của phẩm chất chí công vô tư ?

- A. Đem lại lợi ích cho tập thể và cộng đồng xã hội
- B. Giúp chúng ta đứng vững trước những tình huống khó khăn và những thử thách
- C. Góp phần làm cho đất nước thêm giàu mạnh .
- D. Xã hội sẽ công bằng, dân chủ và văn minh hơn .

### Câu 4: Những người chí công vô tư thì được lợi ích gì ?

- A. Mọi người ghen ghét đố kỵ.
- B. Mọi người tin cậy và kính trọng
- C. Mọi người sợ hãi.
- D. Mọi người coi thường.

### Câu 5: Những câu danh ngôn, tục ngữ, ca dao nào dưới đây thể hiện chí công vô tư?

- A. Dù ai nói ngả nói nghiêng  
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.
- B. Phải để việc công, việc nước lên trên, lên trước sự việc tư, việc nhà
- C. Cái khó ló cái khôn.
- D. Lá lành đùm lá rách.

**Câu 6: Tự chủ là gì ?**

- A. Làm chủ suy nghĩ, tình cảm và hành vi của mình trong mọi hoàn cảnh, tình huống
- B. Tích cực chủ động dám nghĩ, dám làm.
- C. Luôn hành động theo ý mình .
- D. Linh hoạt xử lí được các tình huống .

**Câu 7: Hòa bình là:**

- A. Tranh chấp lãnh thổ của nhau.
- B. Sự bất hợp tác giữa các dân tộc .
- C. Không tôn trọng chủ quyền, lãnh thổ của nhau.
- D. Tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang .

**Câu 8: Biểu hiện của lòng yêu chuộng hòa bình là**

- A. Giải quyết các mâu thuẫn bằng lực lượng vũ trang.
- B. Kêu gọi đoàn kết, chống chiến tranh .
- C. Tham gia các cuộc xung đột giữa các dân tộc .
- D. Gây bè phái, chia rẽ tôn giáo.

**Câu 9: Những hành vi nào sau đây biểu hiện lòng yêu chuộng hòa bình ?**

- A. Giải quyết công việc bằng mâu thuẫn, đối đầu.
- B. Tôn trọng nền văn hóa của các dân tộc trên thế giới
- C. Phân biệt, đối xử.
- D. Bắt mọi người phải tuân theo mình.

**Câu 10: Những hành vi nào sau đây không biểu hiện lòng yêu chuộng hòa bình ?**

- A. Luôn biết lắng nghe người khác.
- B. Học hỏi những điều tốt đẹp từ người khác
- C. Mở rộng giao lưu với các nước trên thế giới
- D. Không coi các nước khác ra gì

**Câu 11: Những hành vi nào sau đây biểu lòng yêu chuộng hòa bình ?**

- A. Viết thư gửi quà cho người dân ở những nước có chiến tranh
- B. Thờ ơ trước nỗi đau của các dân tộc khác
- C. Chỉ biết nhận sự viên trợ của các nước khác .
- D. Không mở rộng ngoại giao với các nước khác .

**Câu 12: Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới là :**

- A. Mọi quan hệ giữa nước lớn với nước bé.
- B. Mọi quan hệ bạn bè thân thiện giữa nước này với nước khác
- C. Mọi quan hệ giữa nước phát triển và nước đang phát triển
- D. Mọi quan hệ có đi có lại giữa nước này với nước khác

**Câu 13: Các hành vi nào dưới đây cho là kinh doanh hợp pháp ?**

- A. Có giấy phép kinh doanh, đóng thuế đầy đủ
- B. Trốn thuế, kinh doanh bất hợp pháp
- C. Lấn chiếm vỉa hè để kinh doanh
- D. Lấy hàng hóa không đảm bảo yêu cầu

**Câu 14: Hoạt động sản xuất, dịch vụ và trao đổi hàng hoá nhằm mục đích thu lợi nhuận được gọi là?**

- A. Kinh doanh.
- B. Lao động.
- C. Sản xuất.
- D. Buôn bán.

**Câu 15: Công dân có quyền lựa chọn hình thức tổ chức, quy mô mặt hàng nói đến quyền nào ?**

- A. Quyền bình đẳng trong quan hệ hôn nhân và gia đình.
- B. Quyền tự do kinh doanh.
- C. Quyền đảm bảo thư tín, điện thoại, điện tín.
- D. Quyền bình đẳng giữa nam và nữ.

**Câu 16:** Một phần trong thu nhập mà công dân và tổ chức kinh tế có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước để chi tiêu cho những công việc chung được gọi là?

- A. Tiền.                      B. Sản vật.                      C. Sản phẩm.                      D. Thuế.

**Câu 17:** Người sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm thì bị phạt tù bao nhiêu năm?

- A. Từ 1 – 2 năm.      B. Từ 2 – 3 năm.      C. Từ 2 – 5 năm.      D. Từ 2 – 7 năm.

**Câu 18:** Cửa hàng D bán thuốc chữa bệnh cho người dân thấy có nhân viên tiếp thị tại 1 nơi khác đến tiếp thị thuốc giả nhưng mẫu mã như thuốc thật, thấy vậy bà chủ cửa hàng D đã mua số thuốc giả đó về bán cho người dân nhằm thu lợi nhuận cao. Nếu bị cơ quan chức năng phát hiện, người dân tố cáo thì chủ cửa hàng D bị phạt bao nhiêu năm?

- A. Từ 1 – 5 năm.      B. Từ 2 – 3 năm.      C. Từ 2 – 4 năm.      D. Từ 2 – 7 năm.

**Câu 19:** Cửa hàng X bán hàng tạp hóa với nhiều mặt hàng đa dạng, phong phú, tuy nhiên vào dịp Tết nguyên đán, nhu cầu tăng cao nên cửa hàng X đã bán thêm mặt hàng loa, đài. Được biết mặt hàng này không có tên trong các mặt hàng đăng kí kinh doanh của cửa hàng nhưng cửa hàng X vẫn lấy về bán. Cửa hàng X vi phạm quyền nào?

- A. Quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.  
B. Quyền bảo đảm điện thoại, điện tín.  
C. Quyền tự do kinh doanh.  
D. Quyền bình đẳng giữa nam và nữ.

**Câu 20:** Trong các loại mặt hàng sau, mặt hàng nào phải đóng thuế nhiều nhất?

- A. Thuốc lá điếu.      B. Xăng.                      C. Nước sạch.                      D. Phân bón.

**PHIẾU BÀI TẬP (30/3- 5/4/2020)**

**MÔN: TIẾNG ANH KHỐI 9**

**I. THEORY (Giáo viên yêu cầu tất cả phần 2,3 phải viết ra vở , gv sẽ kiểm tra vở và kiểm tra miệng các phần lý thuyết, các động từ bất quy tắc để lấy điểm) - TẤT CẢ CÁC PHẦN LÝ THUYẾT ĐỀU CÓ TRONG SÁCH NGỮ PHÁP MÀ GIÁO VIÊN VẪN DẠY TRÊN LỚP.**

**1. Các cụm động từ ( Học thuộc)**

- 31.Find out: tìm ra
- 32.Get along/get along with s.o: hợp nhau/hợp với ai
- 33.Get in: đi vào
- 34..Get off: xuống xe
- 35.Get on with s.o: hòa hợp, thuận với ai đó
- 36.Get out: rút ra ngoài
- 37.Get rid of s.th: bỏ cái gì đó
- 38.Get up: thức dậy
- 39.Give up s.th: từ bỏ cái gì đó
- 40.Go around: đi vòng vòng
- 41.Go down: giảm, đi xuống
- 42.Go off: reo, nổ (chủ ngữ thường là chuông, bom)
- 43.Go on: tiếp tục
- 44.Go out: đi ra ngoài, đi chơi
- 45.Go up: tăng, đi lên
- 46.Grow up: lớn lên
- 47.Help s.o out: giúp đỡ ai đó
- 48.Hold on: đợi tí
- 49.Keep on doing s.th: tiếp tục làm gì đó
- 50.Keep up sth: hãy tiếp tục phát huy

**2. Giới từ ( Sách ngữ pháp trang 188). Học định nghĩa, các loại giới từ.**

**3. Liên từ ( Sách ngữ pháp trang 220) .Học định nghĩa, các loại liên từ .**

**II. Exercise**

**I. MULTIPLE CHOICE: (8 points)**

**Mark the letter A,B,C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions from 1 to 2.**

- Question 1. A. prefer                      B. differ                      C. receive                      D. record
- Question 2. A. communication              B. attraction                      C. respect                      D. machine

**Read the following passage and mark the letter A,B,C or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks from 3 to 7.**

The English language began(3).....England, of course. But when people went from England to(4).....countries, they brought their language with them. The first English people come to North America(5).....many things that they did not know about before, especially different kinds of animals and plants. So they took the(6).....for these plants and animals from the people(7).....were already living in America-the Indians. “Raccoon”, “skunk”, “tomato”, “tobacco” are all American Indian words.

- Question 3. A. in              B. on                      C. at                      D. above
- Question 4. A. newly              B. other                      C. much                      D. lot
- Question 5. A. watchedB. looked              C. saw                      D. heard
- Question 6. A. languages              B. vocabulary                      C. tongue                      D. words
- Question 7. A. that                      B. which                      C. who                      D. whose

**Mark the letter A,B,C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions from 8 to 9**

- Question 8. A. savedu              B. helped                      C. lookoed                      D. reduced
- Question 9. A. double B. enough                      C. resourource                      D. rough





C. larger lunches cost more than smaller ones  
overseas

D. you can't get back your lost luggage

**Mark the letter A,B,C or D on your answer sheet to indicate the underlined part to that needs correction to each of the following questions from 25 to 27.**

Question 25. Jupiter, who is the largest planet in our solar system, has more gravity than the Earth.  
A B C D

Question 26. My friend Russ is interested in to work in advertising.  
A B C D

Question 27. Although the low wage, he agreed to take the job.  
A B C D

**Mark the letter A,B,C or D on your answer sheet to indicate the underlined part to that needs correction to each of the following questions from 28 to 29.**

Question 28. "Shall we go out for dinner?"

A. No, I wouldn't. That's boring

B. I'd love

C. That's a good idea.

D. You can say that again.

Question 29. -Peter: "Do you mind if I use your pencil?" -Katy: "....."

A. Sorry. I have no idea.

B. Never mind. Help yourself

C. Certainly, it's true

C. That's a good idea.

**Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions 30**

Question 30: Travel insurance is sometimes mistaken for temporary health insurance, but the two are actually different.

A. transitory

B. passing

C. mutable

D. permanent

**Mark the letter A,B,C or D on your answer sheet to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in each of the following questions from 31 to 32.**

Question 31. Monday is blue. I do not have any mind to work.

A.happy

B.optimistic

C. hope

D.tired

Question 32. My parents started this store when I was 6.

A.stopped

B.set up

C. brought

D.finished

**II. WRITING: (2.0 points)**

**Finish the second sentence so that it has a similar meaning to the first one, beginning with the given words (questions from 33 to 36).**

33. The police has just released John.

=> John.....

34. I couldn't hear them because they were speaking too softly.

=> They were speaking.....

35. We spent 5 hours getting to London.

=> It took.....

36. I get to work in 20 minutes.

=> It .....

**Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first one using the word in brackets . Do not change the given words in any ways (questions from 37 to 40).**

37. It is necessary that this work be finished by Monday. (MUST)

.....

38. It's a pity I didn't take my doctor's advice. (WISH)

.....

39. The bread is so tale we can't eat it. (ENOUGH)

.....

40. Who does this bag belong to? (WHOSE)

.....

**THE END**

## PHIẾU BÀI TẬP TOÁN 9 TỪ 31.3- 5.4/2020

Năm học 2019- 2020

### I Lý thuyết:

Các kiến thức đã học

### II Bài tập

#### Bài 1: Tính

a)  $\sqrt{3+2\sqrt{2}} - \sqrt{6-4\sqrt{2}}$

b)  $\sqrt{\sqrt{5}-\sqrt{3}-\sqrt{29-12\sqrt{5}}}$

c)  $\sqrt{6+2\sqrt{5}-\sqrt{29-12\sqrt{5}}}$

d)  $\sqrt{2+\sqrt{5}-\sqrt{13+\sqrt{48}}}$

#### Bài 2: Thực hiện phép tính, rút gọn kết quả

a)  $2\sqrt{20} - \sqrt{45} + 3\sqrt{18} + 3\sqrt{32} - \sqrt{50}$

b)  $\sqrt{32} + \sqrt{0,5} - 2\sqrt{\frac{1}{3}} - \sqrt{\frac{1}{8}} + \sqrt{48}$

c)  $\sqrt{\frac{1}{2}} + \sqrt{4,5} - \sqrt{12,5} - 0,5\sqrt{200} + \sqrt{242} + 6\sqrt{\frac{1}{8}} - \sqrt{24,5}$

d)  $\left(\frac{3}{2}\sqrt{6} + 2\sqrt{\frac{2}{3}} - 4\sqrt{\frac{3}{2}}\right) \cdot \left(3\sqrt{\frac{2}{3}} - \sqrt{12} - \sqrt{6}\right)$

**Bài 3:** Cho  $P = \frac{2\sqrt{x}-9}{x-5\sqrt{x}+6} - \frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}-2} - \frac{2\sqrt{x}+1}{3-\sqrt{x}}$

1/ Rút gọn biểu thức P

2/ Tính giá trị của P khi  $x = 3 - 2\sqrt{2}$

3/ Tìm x để  $P = 5$

4/ Tìm x để  $P < 1$

5/ So sánh P với 1

6/ Tìm  $x \in \mathbb{Z}$  để  $P \in \mathbb{Z}$

7/ Tìm GTNN của  $P' = \frac{1}{P}$

**Bài 4:** Với  $x > 0, x \neq 4$ , cho hai biểu thức  $A = \frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}-2}$  và  $B = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-2} + \frac{4x}{2\sqrt{x}-x}$

1. Tính giá trị của biểu thức A khi  $x = 25$

2. Rút gọn biểu thức B

3. Tìm x để  $\frac{B}{A} = -1$

**Bài 5:** Cho BT  $P = \left(\frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}-3} - \frac{\sqrt{x}-3}{\sqrt{x}+3}\right) : \frac{6}{x-9}$

a) Rút gọn P

b) Tính GTBT khi  $x = 9 - \sqrt{80}$

c) Tìm x để  $P > \frac{1}{2}$

d) Tìm giá trị nguyên của P

#### Bài 6: Giải các hệ phương trình sau:

a)  $\begin{cases} x-2y=-5 \\ 3x+2y=1 \end{cases}$

b)  $\begin{cases} x+y=300 \\ 110\%x+120\%y=340 \end{cases}$

c)  $\begin{cases} (x+1)(y-1)=xy-1 \\ (x-3)(y-3)=xy-3 \end{cases}$

d)  $\begin{cases} \frac{1}{x} - \frac{1}{y} = 3 \\ \frac{3}{x} + \frac{2}{y} = -1 \end{cases}$

e)  $\begin{cases} \frac{1}{x+2} + \frac{3}{2y-1} = 4 \\ \frac{4}{x+2} - \frac{1}{2y-1} = 3 \end{cases}$

g)  $\begin{cases} \frac{1}{x+1} - \frac{3}{y-1} = -1 \\ \frac{2}{x+1} + \frac{4}{y-1} = 3 \end{cases}$

**Bài 7:** Tìm một số tự nhiên có hai chữ số, biết rằng số đó gấp 4 lần tổng các chữ số của nó. Nếu viết hai chữ số của nó theo thứ tự ngược lại thì được số mới lớn hơn số ban đầu 36 đơn vị

**Bài 8:** Hai trường A, B có 250 HS lớp 9 dự thi vào lớp 10, kết quả có 210 HS đã trúng tuyển. Tính riêng tỉ lệ đỗ thì trường A đạt 80%, trường B đạt 90%. Hỏi mỗi trường có bao nhiêu HS lớp 9 dự thi vào lớp 10.

**Bài 9 :** Hai tổ cùng làm chung một công việc hoàn thành sau 15 giờ. Nếu tổ một làm trong 5 giờ, tổ hai làm trong 3 giờ thì được 30% công việc. Hỏi nếu làm riêng thì mỗi tổ hoàn thành trong bao lâu.

**Bài 10 :** Một xe tải và một xe con cùng khởi hành từ A đến B. Xe tải đi với vận tốc 30km/h, xe con đi với vận tốc 45km/h. Sau khi đi được  $\frac{3}{4}$  quãng đường, xe con tăng thêm 5km trên quãng đường còn lại nên đến B sớm hơn xe tải 2h20'. Tính chiều dài quãng đường AB

**Bài 11 :** Cho  $\Delta ABC$  có ba góc nội tiếp đường tròn (O; R). Các đường cao BE, CF cắt nhau tại H, cắt đường tròn (O; R) lần lượt tại M và N.

a, Chứng minh  $AE.AC = AF.AB$

b, Chứng minh  $MN // EF$ .

c, Chứng minh  $\frac{MN}{AH} < 2$ .

d\*, Cho BC cố định, A chuyển động trên cung lớn BC sao cho  $\Delta ABC$  có 3 góc nhọn. Chứng minh diện tích hình tròn ngoại tiếp  $\Delta AEF$  không đổi.

**Bài 12 :** Cho  $\Delta ABC$  có ba góc nhọn nội tiếp đường tròn (O; R). Kẻ đường cao AD và đường kính AK. Hạ BE và CF cùng vuông góc với AK.

a, Chứng minh A, B, D, E thuộc một đường tròn và A, C, F, D thuộc một đường tròn.

b, Chứng minh  $DF // BK$ .

c\*, Cho BC cố định, A chuyển động trên cung lớn BC sao cho  $\Delta ABC$  có ba góc nhọn. Chứng minh tâm đường tròn ngoại tiếp  $\Delta DEF$  là một điểm cố định.

**Bài 13 :** Cho  $\Delta ABC$  vuông tại A. Vẽ đường tròn tâm  $O_1$ , đường kính AB và đường tròn tâm  $O_2$  đường kính AC. Hai đường tròn này cắt tại H ( $H \neq A$ ). Một đường thẳng d qua A cắt đường tròn ( $O_1$ ) và ( $O_2$ ) lần lượt tại M và N (M và H ở hai nửa đường tròn đường kính AB). Chứng minh rằng:

a, Ba điểm B, H, C thẳng hàng.

b,  $AM.AN = BM.NC$ .

c,  $\Delta HMN$  đồng dạng với  $\Delta ABC$ .

d\*, Xác định vị trí của đường thẳng d sao cho diện tích  $\Delta HMN$  lớn nhất.



**Bài 10 :** Chiều dài quãng đường AB là x (km);  $x > 0$

$$\text{Pt : } \frac{x}{30} - \left( \frac{x}{60} + \frac{x}{200} \right) = \frac{7}{3} \Leftrightarrow x = 200 \text{ (t/m)}$$

Vậy chiều dài quãng đường AB là 200 km

**Bài 11 :**

a) ?Nêu các cách c/m các tích bằng nhau

?Trong bài này sử dụng cách nào? từ đó đưa ra cách làm

b) Để c/m  $MN // FE$  hãy lựa chọn cặp đồng vị hoặc slt bằng nhau (Cặp góc đồng vị)

Tìm góc thứ ba cùng bằng hai góc F và N

c) Quan sát đường tròn ngoại tiếp tứ giác AEHF hãy so sánh AH và MN

Xét tam giác HMN hãy so sánh FE và MN từ đó suy ra điều phải c/m

d\* Để c/m dt hình tròn không đổi, ta chứng minh bán kính của nó không đổi.

Từ đó dẫn đến phải c/m AH có độ dài không đổi khi A động.

Nối AO cắt đường tròn tại K có  $\widehat{ABK} = \widehat{ACK} = 90^\circ \rightarrow BK // CH, CK // BH \rightarrow$

BHCK là hình bình hành. HK cắt BC tại I,  $IB = IC$  và  $IH = IK$ .

Mà  $OA = OK = R$  nên OI là đường trung bình  $\triangle KAH \rightarrow OI = \frac{1}{2} AH$ .

AH là đường kính đường tròn ngoại tiếp  $\triangle AEF \rightarrow$  bán kính đường tròn này bằng OI không đổi.

Vậy diện tích đường tròn ngoại tiếp  $\triangle AEF = \pi \cdot OI^2$  không đổi

**Bài 12 :**

a) hs tự cm

b) Chứng minh được góc AFD bằng góc AKB (cùng bằng góc ACB)

c\*, Gọi M, N lần lượt là trung điểm BC, AC  $\rightarrow MN // AB, \widehat{ABK} = 90^\circ \rightarrow MN \perp BK$

mà  $BK // DF \rightarrow MN \perp DF$

Các tam giác ADC, AFC vuông tại D và F  $\rightarrow DN = FN = \frac{1}{2} AC \rightarrow \triangle NDF$  cân tại N  $\rightarrow MN$  là trung

trục DF  $\rightarrow MD = MF$ .

Tương tự:  $MD = ME$  suy ra M là tâm đường tròn ngoại tiếp  $\triangle DEF$ . Vì BC cố định nên M cố định.

**Bài 13:**

a) Để c/m 3 điểm B, H, C thẳng hàng ta cm góc BHC bằng  $180^\circ$

b) Nêu cặp tam giác đồng dạng cần c/m.

c) Hãy nêu cách c/m tam giác HMN và tam giác ABC đồng dạng

d\* Tỷ số dt của hai tam giác đồng dạng

$$\frac{S_{\triangle HMN}}{S_{\triangle ABC}} = \left( \frac{HM}{AB} \right)^2 \text{ mà } MH \leq AB$$

$$\rightarrow \left( \frac{HM}{AB} \right)^2 \leq 1 \rightarrow S_{\triangle HMN} \leq S_{\triangle ABC}$$

Dấu bằng xảy ra khi HM qua  $O_1$ , khi đó  $\widehat{MAH} = 90^\circ \rightarrow MN // BC \rightarrow S_{\triangle HMN}$  lớn nhất khi  $d // BC$ .

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN VẬT LÝ 9**  
( Từ ngày 30/3 – 4/4/2020)

**I. LÝ THUYẾT**

Chương I: Điện học

**II. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM**

**HS khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất vào phiếu bài tập và nộp lại cho GV vào tuần đầu tiên khi đi học trở lại.**

**Câu 1:** Một dây dẫn có chiều dài  $l$  và điện trở  $R$ . Nếu nối 4 dây dẫn trên với nhau thì dây mới có điện trở  $R'$  là :

- A.  $R' = 4R$  .      B.  $R' = \frac{R}{4}$  .      C.  $R' = R+4$  .      D.  $R' = R - 4$  .

**Câu 2:** Khi đặt một hiệu điện thế 12V vào hai đầu một cuộn dây dẫn thì dòng điện qua nó có cường độ 1,5A. Biết rằng loại dây dẫn này nếu dài 6m có điện trở là 2 Ω. Chiều dài của dây dẫn dùng để quấn cuộn dây này là:

- A.  $l = 24m$       B.  $l = 18m$  .      C.  $l = 12m$  .      D.  $l = 8m$  .

**Câu 3:** Hai dây dẫn đều làm bằng đồng có cùng tiết diện  $S$ . Dây thứ nhất có chiều dài 20cm và điện trở 5Ω. Dây thứ hai có điện trở 8Ω. Chiều dài dây thứ hai là:

- A. 32cm .      B. 12,5cm .      C. 2cm .      D. 23 cm .

**Câu 4:** Hai dây dẫn được làm từ cùng một vật liệu có cùng tiết diện, có chiều dài lần lượt là  $l_1, l_2$  . Điện trở tương ứng của chúng thỏa điều kiện :

- A.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{l_1}{l_2}$  .      B.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{l_2}{l_1}$  .      C.  $R_1 \cdot R_2 = l_1 \cdot l_2$  .      D.  $R_1 \cdot l_1 = R_2 \cdot l_2$  .

**Câu 5:** Chọn câu trả lời **sai** : Một dây dẫn có chiều dài  $l = 3m$ , điện trở  $R = 3 \Omega$  , được cắt thành hai dây có chiều dài lần lượt là  $l_1 = \frac{1}{3}$ ,  $l_2 = \frac{21}{3}$  và có điện trở tương ứng  $R_1, R_2$  thỏa mãn:

- A.  $R_1 = 1\Omega$  .  
B.  $R_2 = 2\Omega$  .  
C. Điện trở tương đương của  $R_1$  mắc song song với  $R_2$  là  $R_{ss} = \frac{3}{2} \Omega$  .  
D. Điện trở tương đương của  $R_1$  mắc nối tiếp với  $R_2$  là  $R_{nt} = 3\Omega$  .

**Câu 6:** Hai dây dẫn bằng đồng có cùng chiều dài. Dây thứ nhất có tiết diện  $S_1 = 0.5mm^2$  và  $R_1 = 8,5 \Omega$ . Dây thứ hai có điện trở  $R_2 = 127,5\Omega$  , có tiết diện  $S_2$  là :

- A.  $S_2 = 0,33 mm^2$       B.  $S_2 = 0,5 mm^2$       C.  $S_2 = 15 mm^2$       D.  $S_2 = 0,033 mm^2$ .

**Câu 7:** Một dây dẫn bằng đồng có điện trở 9,6Ω với lõi gồm 30 sợi đồng mảnh có tiết diện như nhau. Điện trở của mỗi sợi dây mảnh là:

- A.  $R = 9,6 \Omega$  .      B.  $R = 0,32 \Omega$  .      C.  $R = 288 \Omega$  .      D.  $R = 28,8 \Omega$  .

**Câu 8:** Hai dây dẫn đều làm bằng đồng có cùng chiều dài  $l$ . Dây thứ nhất có tiết diện  $S$  và điện trở 6Ω. Dây thứ hai có tiết diện  $2S$ . Điện trở dây thứ hai là:

- A. 12 Ω .      B. 9 Ω .      C. 6 Ω .      D. 3 Ω .

**Câu 9:** Hai dây dẫn hình trụ được làm từ cùng một vật liệu, có cùng chiều dài, có tiết diện lần lượt là  $S_1, S_2$ , điện trở tương ứng của chúng thỏa điều kiện:

- A.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{S_1}{S_2}$  .      B.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{S_2}{S_1}$  .      C.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{S_1^2}{S_2^2}$  .      D.  $\frac{R_1}{R_2} = \frac{S_2^2}{S_1^2}$  .

**Câu 10:** Một sợi dây làm bằng kim loại dài  $l_1 = 150$  m, có tiết diện  $S_1 = 0,4$  mm<sup>2</sup> và có điện trở  $R_1$  bằng  $60 \Omega$ . Hỏi một dây khác làm bằng kim loại đó dài  $l_2 = 30$  m có điện trở  $R_2 = 30 \Omega$  thì có tiết diện  $S_2$  là:

- A.  $S_2 = 0,8$  mm<sup>2</sup>      B.  $S_2 = 0,16$  mm<sup>2</sup>      C.  $S_2 = 1,6$  mm<sup>2</sup>      D.  $S_2 = 0,08$  mm<sup>2</sup>

**Câu 11:** Biến trở là một linh kiện :

- A. dùng để thay đổi vật liệu dây dẫn trong mạch.  
B. dùng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch .  
C. dùng để điều chỉnh hiệu điện thế giữa hai đầu mạch .  
D. dùng để thay đổi khối lượng riêng dây dẫn trong mạch .

**Câu 12:** Khi dịch chuyển con chạy hoặc tay quay của biến trở, đại lượng nào sau đây sẽ thay đổi ?

- A. Tiết diện dây dẫn của biến trở .  
B. Điện trở suất của chất làm biến trở của dây dẫn .  
C. Chiều dài dây dẫn của biến trở .  
D. Nhiệt độ của biến trở .

**Câu 13:** Trên một biến trở có ghi  $50 \Omega - 2,5$  A . Hiệu điện thế lớn nhất được phép đặt lên hai đầu dây cố định của biến trở là:

- A.  $U = 125$  V .      B.  $U = 50,5$  V .      C.  $U = 20$  V .      D.  $U = 47,5$  V .

**Câu 14:** Một điện trở con chạy được quấn bằng dây hợp kim nicrom có điện trở suất  $\rho = 1,1 \cdot 10^{-6} \Omega \cdot m$ , đường kính tiết diện  $d_1 = 0,5$  mm, chiều dài dây là  $6,28$  m. Điện trở lớn nhất của biến trở là:

- A.  $3,52 \cdot 10^{-3} \Omega$  .      B.  $3,52 \Omega$  .      C.  $35,2 \Omega$  .      D.  $352 \Omega$  .

**Câu 15:** Phát biểu nào sau đây **đúng** nhất khi nói về mối liên hệ giữa cường độ dòng điện qua một dây dẫn và hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó?

- A. Cường độ dòng điện qua một dây dẫn tỉ lệ với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.  
B. Cường độ dòng điện chạy qua một dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.  
C. Cường độ dòng điện qua một dây dẫn tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.  
D. Cường độ dòng điện qua một dây dẫn không tỉ lệ với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.

**Câu 16:** Khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn tăng thì:

- A. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn không thay đổi.  
B. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn giảm tỉ lệ với hiệu điện thế.  
C. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn có lúc tăng, lúc giảm.  
D. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tăng tỉ lệ với hiệu điện thế.

**Câu 16:** Hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn giảm bao nhiêu lần thì:

- A. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn không thay đổi.  
B. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn có lúc tăng, lúc giảm.  
C. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn giảm bấy nhiêu lần.  
D. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tăng bấy nhiêu lần.

**Câu 17:** Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn có dạng là:

- A. một đường thẳng đi qua gốc tọa độ.      C. một đường thẳng không đi qua gốc tọa độ .  
B. một đường cong đi qua gốc tọa độ.      D. một đường cong không đi qua gốc tọa độ.

**Câu 18:** Để tìm hiểu sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn ta tiến hành thí nghiệm nào?

- A. Đo hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn với những cường độ dòng điện khác nhau.
- B. Đo cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn ứng với các hiệu điện thế khác nhau đặt vào hai đầu dây dẫn.
- C. Đo điện trở của dây dẫn với những hiệu điện thế khác nhau.
- D. Đo điện trở của dây dẫn với những cường độ dòng điện khác nhau.

**Câu 19:** Khi thay đổi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn, cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn có mối quan hệ:

- A. tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.
- B. tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.
- C. chỉ tỉ lệ khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó tăng.
- D. không tỉ lệ với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó.

**Câu 20:** Cường độ dòng điện qua bóng đèn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu bóng đèn. Điều đó có nghĩa là nếu hiệu điện thế tăng 1,2 lần thì:

- A. cường độ dòng điện tăng 2,4 lần.
- B. cường độ dòng điện giảm 1,2 lần.
- C. cường độ dòng điện giảm 2,4 lần.
- D. cường độ dòng điện tăng 1,2 lần.

**Câu 21:** Khi đặt vào hai đầu dây dẫn một hiệu điện thế 6V thì cường độ dòng điện qua nó là 0,5A. Nếu hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn là 24V thì cường độ dòng điện qua nó là:

- A. 1,5A.
- B. 2A.
- C. 3A.
- D. 1A.

**Câu 22:** Đặt hiệu điện thế U giữa hai đầu các dây dẫn khác nhau, đo cường độ dòng điện I chạy qua mỗi dây dẫn đó và tính giá trị U/I, ta thấy giá trị U/I:

- A. càng lớn nếu hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn càng lớn.
- B. không xác định đối với mỗi dây dẫn.
- C. càng lớn với dây dẫn nào thì dây đó có điện trở càng nhỏ.
- D. càng lớn với dây dẫn nào thì dây đó có điện trở càng lớn.

**Câu 23:** Điện trở R của dây dẫn biểu thị cho:

- A. tính cản trở dòng điện nhiều hay ít của dây.
- B. tính cản trở hiệu điện thế nhiều hay ít của dây.
- C. tính cản trở electron nhiều hay ít của dây.
- D. tính cản trở điện lượng nhiều hay ít của dây.

**Câu 24:** Nội dung định luật Ohm là:

- A. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và tỉ lệ với điện trở của dây.
- B. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và không tỉ lệ với điện trở của dây.
- C. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và tỉ lệ nghịch với điện trở của dây.
- D. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn và tỉ lệ thuận với điện trở của dây.

**Câu 25:** Biểu thức đúng của định luật Ohm là:

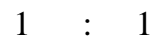
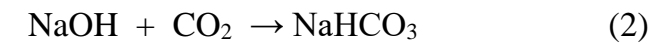
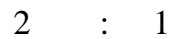
- A.  $R = \frac{U}{I}$ .
- B.  $I = \frac{U}{R}$ .
- C.  $I = \frac{R}{U}$ .
- D.  $U = I.R$ .



**BÀI TẬP HÓA HỌC 9 (30/3 đến 5/4)**  
**DẠNG BÀI: CO<sub>2</sub> (SO<sub>2</sub>) TÁC DỤNG VỚI DUNG DỊCH NaOH (KOH)**  
(Các con làm bài vào vở ghi hóa buổi chiều)

**I. PHƯƠNG PHÁP**

- Khi cho CO<sub>2</sub> (hoặc SO<sub>2</sub>) vào dung dịch NaOH (KOH) thì tùy theo tỉ lệ  $n_{\text{NaOH}} : n_{\text{CO}_2}$  mà xảy ra 2 PTHH sau:



- Để biết xảy ra theo PTHH nào ta lập tỉ lệ  $T = \frac{n_{\text{NaOH}}}{n_{\text{CO}_2}}$

- + TH1)  $T = 2 \rightarrow$  PT (1): chỉ tạo muối Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> (CO<sub>2</sub> hết, NaOH hết)
  - + TH2)  $T > 2 \rightarrow$  PT (1): chỉ tạo muối Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> (CO<sub>2</sub> hết, NaOH dư)
  - + TH3)  $T = 1 \rightarrow$  PT (2): chỉ tạo muối NaHCO<sub>3</sub> (CO<sub>2</sub> hết, NaOH hết)
  - + TH4)  $T < 1 \rightarrow$  PT (2): chỉ tạo muối NaHCO<sub>3</sub> (NaOH hết, CO<sub>2</sub> dư)
  - + TH5)  $1 < T < 2 \rightarrow$  PT (1) và (2): tạo cả muối NaHCO<sub>3</sub> và Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>
- Nếu chỉ có 1 PTHH xảy ra thì tính theo chất hết.  
- Nếu có 2 PTHH xảy ra thì gọi 2 ẩn x, y  $\rightarrow$  lập 2 phương trình 2 ẩn.

**II. BÀI TẬP**

**Bài 1.** Dẫn từ từ 1,568 lít khí CO<sub>2</sub> ở đktc vào một dung dịch có hòa tan 6,4 gam NaOH.

- a. Hãy xác định khối lượng muối thu được sau phản ứng. *(Đáp án: 7,42 g)*
- b. Chất nào đã lấy dư và dư là bao nhiêu (lít hoặc gam)? *(Đáp án: 0,8 g)*

**Bài 2.** Dẫn 5,6 lít khí CO<sub>2</sub> (đktc) đi qua 150 ml dung dịch NaOH có nồng độ mol 2M. Tính khối lượng các chất sau phản ứng.

*(Đáp án: 5,3 g; 16,8 g)*

**Bài 3.** Dẫn hết khí CO<sub>2</sub> thu được khi cho 25,44 gam Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> tác dụng với dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> dư vào 500 ml dung dịch KOH 1M.

- a. Sau phản ứng thu được muối gì?
- b. Tính khối lượng muối cacbonat thu được.

*(Đáp án: 33,12 g)*



**Câu 15:** Ứng dụng của sự thích nghi của thực vật với ánh sáng, người ta đã trồng:

- A. cây ưa sáng trước, cây ưa bóng sau.
- B. cây ưa bóng trước, cây ưa sáng sau.
- C. Cây nào trồng trước phụ thuộc thời gian sinh trưởng của 2 giống.
- D. đồng thời cả 2 loại cây này.

**Câu 16:** Các cạnh phía dưới của cây trong rừng lại bị rụng sớm được gọi là:

- A. tự tỉa ở thực vật.
- B. cạnh tranh cùng loài.
- C. cạnh tranh khác loài.
- D. Đấu tranh trực tiếp.

**Câu 17:** Điều khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Cây sống ở nơi thiếu ánh sáng (ẩm ướt) có phiến lá mỏng, bản rộng, mô giậu kém phát triển.
- B. Cây sống ở nơi khô hạn có lá biến thành gai.
- C. Độ ẩm của không khí và đất ảnh hưởng không đáng kể đến sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật.
- D. Khi khô hạn lớp da trần của ếch nhái làm cơ thể chúng mất nước nhanh chóng.

**Câu 18:** Nhóm thực vật nào sau đây không thuộc nhóm ưa sáng, ưa bóng?

- A. Thảm thực vật.
- B. Cây gỗ nhỏ.
- C. Cây gỗ to.
- D. Phi lao, thông.

**Câu 19:** “Nhiều loài sâu bọ ngừng sinh sản khi điều kiện chiếu sáng trong ngày không thích hợp”, đây là hiện tượng:

- A. không chế sinh học.
- B. cân bằng sinh học.
- C. đình dục.
- D. nhịp sinh học

**Câu 20:** Nhân tố cơ bản, chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các nhân tố khác là:

- A. ánh sáng.
- B. nhiệt độ.
- C. độ ẩm.
- D. lượng mưa.

**Câu 21:** Dựa vào sự thích nghi của thực vật với ánh sáng, người ta chia thực vật thành các loại:

- (1) cây trung sinh
- (2) cây ưa sáng
- (3) cây ưa bóng
- (4) cây chịu hạn
- (5) cây chịu mặn
- (6) cây chịu bóng
- (7) cây gỗ lớn

Các đáp án đúng là

- A. (1), (2), (3).
- B. (2), (4), (6).
- C. (1), (4), (5).
- D. (2), (3), (6).

**Câu 22:** Cho các khẳng định sau về nhân tố ánh sáng

- (a) Ánh sáng là nhân tố chịu sự chi phối của hầu hết các nhân tố khác.
- (b) Ánh sáng quyết định đến sự thích nghi của thực vật lẫn động vật.
- (c) Tôm kiếm ăn lúc trời vừa sập tối, hầu hết các loài cá kiếm ăn lúc trời gần sáng.
- (d) Một số loài cây rũ lá vào ban đêm.

Số khẳng định đúng là:

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

**Câu 23:** Đối với sinh vật biến nhiệt, khi nhiệt độ tăng trong giới hạn thì:

- A. tốc độ sinh trưởng tăng, thời gian phát dục ngắn.
- B. tốc độ sinh trưởng tăng, thời gian phát dục kéo dài.
- C. tốc độ sinh trưởng chậm, thời gian phát dục kéo ngắn.
- D. tốc độ sinh trưởng chậm, thời gian phát dục kéo dài.

**Câu 24:** Động vật ngủ đông để:

- A. thích nghi và tồn tại.
- B. thích nghi với môi trường.
- C. báo hiệu mùa lạnh đến.
- D. sinh trưởng và phát triển ở mùa đông.

**Câu 25:** Bộ xít có vòi dài chích dịch cây để sinh sống thuộc mối quan hệ:

A. vật ăn thịt – con mồi.

B. kí sinh vật chủ.

C. hội sinh.

D. hãm sinh.

**Câu 26:** Mối quan hệ giữa gấu Bắc Cực và hải cẩu thuộc mối quan hệ:

A. cộng sinh.

B. hội sinh.

C. kí sinh – vật chủ.

D. vật ăn thịt – con mồi.

**Câu 27:** Trường hợp nào sau đây dẫn đến tiêu diệt lẫn nhau:

A. Kí sinh – vật chủ.

B. Sinh vật ăn sinh vật.

C. Giành đẳng cấp.

D. Ức chế - cảm nhiễm.

**Câu 28:** Yếu tố nào xảy ra sau đây dẫn đến hiện tượng các cá thể cùng loài phải tách nhóm?

A. Nguồn thức ăn trong môi trường dồi dào.

B. Chỗ ở đầy đủ, thậm chí thừa thãi cho các cá thể.

C. Số lượng cá thể trong bầy tăng quá cao.

D. Vào mùa sinh sản và các cá thể khác giới tìm về với nhau.

**Câu 29:** Nhóm chim nào sau đây bắt sâu bọ làm mồi?

A. Gà, cú mèo, đại bàng.

B. Chích choè, chào mào, khướu.

C. Chim ưng, sẻ, bìm bịp.

D. Bò câu, cú mèo, đại bàng.

**Câu 30:** Nhóm động vật nào dưới đây thuộc động vật biến nhiệt là:

A. ruồi giấm, ếch, cá.

B. bò, dơi, bò câu.

C. chuột, thỏ, ếch.

D. rắn, thằn lằn, voi.

**Câu 31:** Nhóm động vật nào dưới đây thuộc động vật hằng nhiệt là:

A. châu chấu, dơi, chim én.

B. cá sấu, ếch, ngựa.

C. chó, mèo, cá chép.

D. cá heo, trâu, cừu.

**Câu 32:** Loài sinh vật nào dưới đây có khả năng chịu lạnh tốt nhất?

A. Ấu trùng cá

B. Trứng ếch

C. Ấu trùng ngô

D. Gấu Bắc cực

**Câu 33:** Cây xanh nào sau đây thuộc nhóm thực vật ưa ẩm?

A. Cỏ lạc đà

B. Cây rêu, cây thài lài

C. Cây mía

D. Cây hướng dương

**Câu 34:** Cây xanh dưới đây chịu đựng được môi trường khô hạn là:

A. Xương rồng

B. Cây rau muống

C. Cây bắp cải

D. Cây su hào

**Câu 35:** Giữa các cá thể cùng loài, sống trong cùng một khu vực có các biểu hiện quan hệ là:

A. quan hệ cạnh tranh và quan hệ đối địch

B. quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh

C. quan hệ hỗ trợ và quan hệ đối địch

D. quan hệ cạnh tranh và quan hệ ức chế

**Câu 36:** Hiện tượng các cá thể tách ra khỏi nhóm dẫn đến kết quả là:

A. làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể

B. làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng

C. hạn chế sự cạnh tranh giữa các cá thể

D. tạo điều kiện cho các cá thể hỗ trợ nhau tìm mồi có hiệu quả hơn

**Câu 37:** Hai hình thức quan hệ chủ yếu giữa các sinh vật khác loài là:

A. quan hệ hỗ trợ và quan hệ đối địch.

B. quan hệ cạnh tranh và quan hệ ức chế.

C. quan hệ đối địch và quan hệ ức chế.

D. quan hệ hỗ trợ và quan hệ quần tụ.

**Câu 38:** Quan hệ cộng sinh là:

- A. hai loài sống với nhau, loài này tiêu diệt loài kia.
- B. hai loài sống với nhau và cùng có lợi.
- C. hai loài sống với nhau và gây hại cho nhau.
- D. hai loài sống với nhau và không gây ảnh hưởng cho nhau.

**Câu 39:** Cây tầm gửi sống trên thân cây khác. Môi trường của tầm gửi là môi trường:

- A. trên cạn.
- B. dưới nước.
- C. đất.
- D. sinh vật.

**Câu 40:** Nhiệt độ cực thuận của cá rô phi Việt Nam là:

- A. 38<sup>0</sup>C
- B. 56<sup>0</sup>C
- C. 30<sup>0</sup>C
- D. 42<sup>0</sup>C

## NỘI DUNG ÔN TẬP ĐỊA LÝ 9 TỪ 30/3 – 5/4

### I. Ôn tập kiến thức lý thuyết chuyên đề 1: Địa lý dân cư (tiếp theo)

3. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.

3.1. Đặc điểm phân bố dân cư.

3.2. Các loại hình quần cư.

3.3. Đô thị hóa

4. Lao động và việc làm, chất lượng cuộc sống.

4.1. Đặc điểm nguồn lao động và việc sử dụng nguồn lao động.

4.2. Vấn đề việc làm.

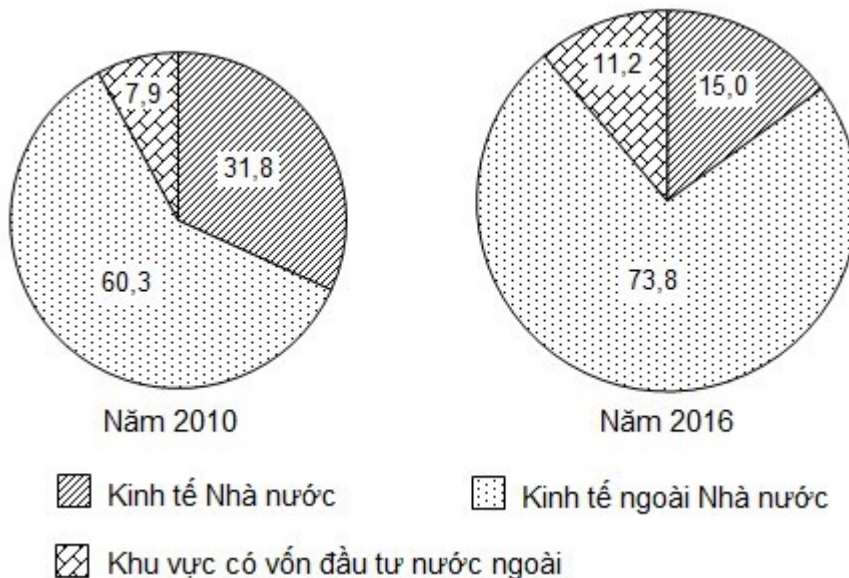
4.3. Chất lượng cuộc sống.

*Học sinh hệ thống nội dung lý thuyết bằng sơ đồ tư duy dựa vào kiến thức đã học và thông tin SGK.*

### II. Ôn tập kỹ năng nhận dạng biểu đồ thông qua từ khóa

#### 1/ Biểu đồ tròn

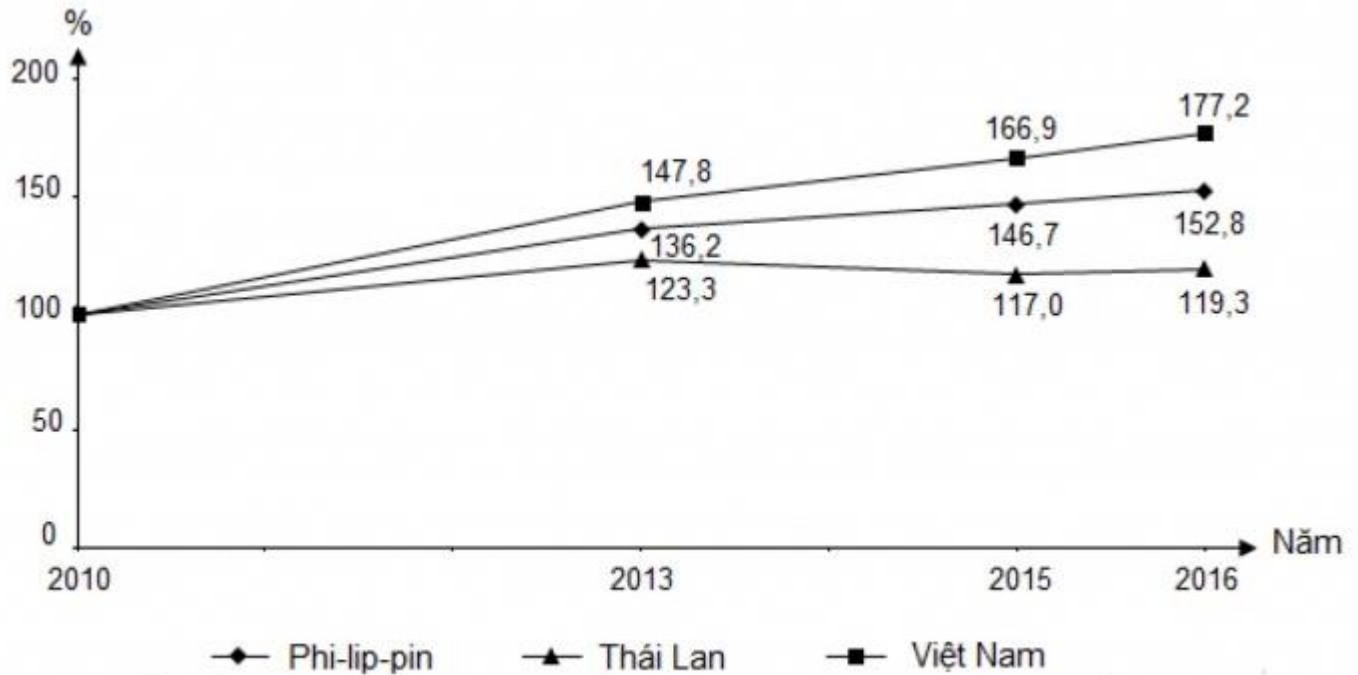
- Khi đề bài yêu cầu thể hiện cơ cấu, tỷ trọng, tỷ lệ, kết cấu của đối tượng
- Mốc thời gian chỉ từ 1-2 năm.



*Cơ cấu doanh thu du lịch lữ hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và 2016 (%)*

## 2/ Biểu đồ đường

Khi đề bài yêu cầu thể hiện sự thay đổi, phát triển, tốc độ tăng trưởng, diễn biến của các đối tượng khác nhau về đơn vị qua nhiều năm.



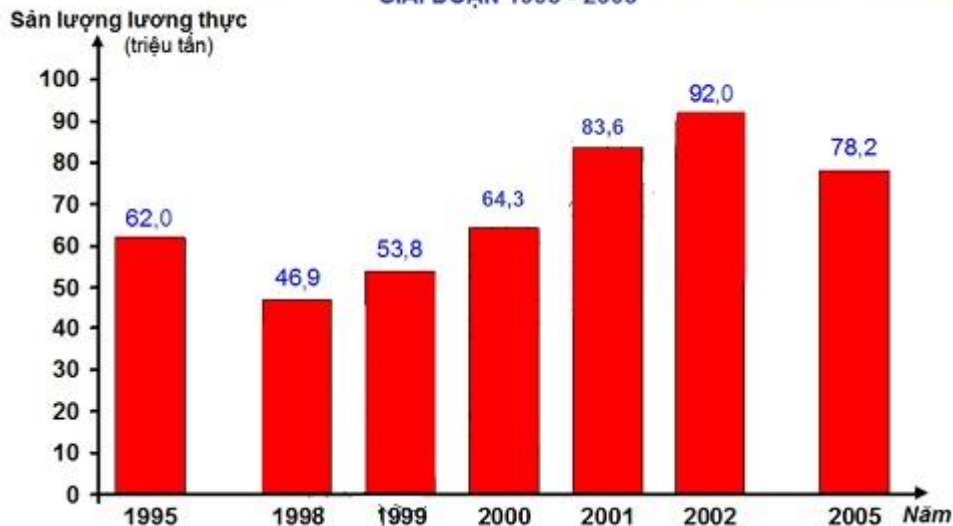
(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam giai đoạn 2010 - 2016

## 3/ Biểu đồ cột

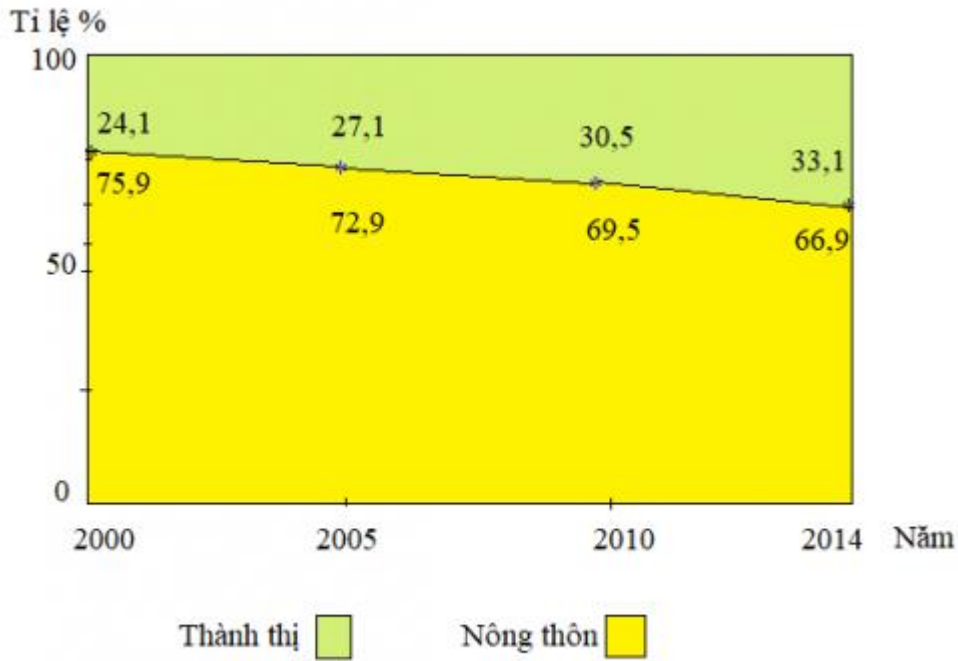
Khi đề bài yêu cầu thể hiện sự biến động của một đối tượng qua nhiều năm hoặc so sánh các đối tượng khi có cùng đơn vị trong một năm. Ví dụ như biểu đồ so sánh dân số, diện tích ... của 1 số tỉnh, biểu đồ so sánh sản lượng điện của 1 địa phương qua nhiều năm...

BIỂU ĐỒ HÌNH CỘT THỂ HIỆN SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA LIÊN BANG NGA  
GIAI ĐOẠN 1995 - 2005



#### 4/ Biểu đồ miền

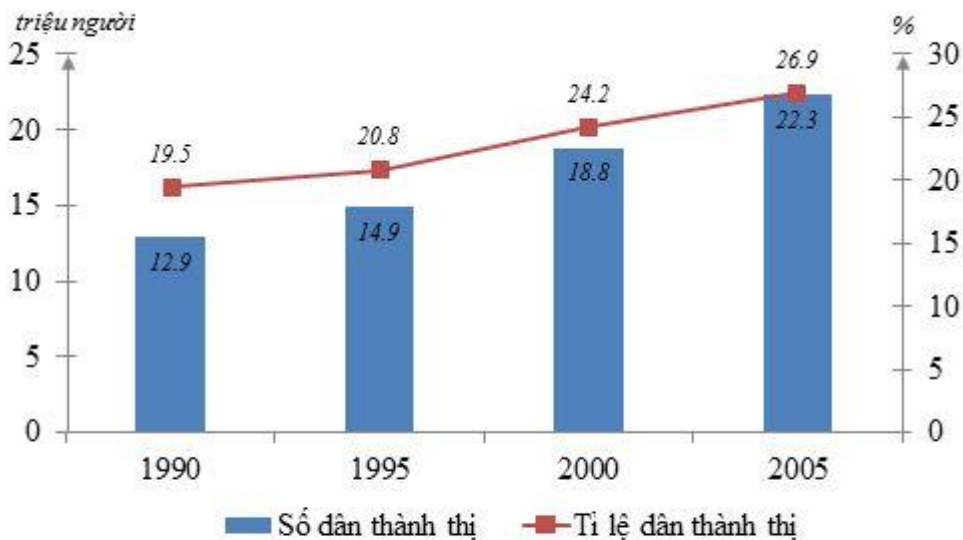
Khi đề bài yêu cầu thể hiện rõ nhất sự thay đổi cơ cấu, tỉ trọng của hai hoặc ba nhóm đối tượng mà có từ 3 năm trở lên. **Ví dụ** tỷ lệ xuất và nhập, cán cân xuất nhập khẩu...



**BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2014**

#### 5/ Biểu đồ kết hợp

Biểu đồ kết hợp giữa đường và cột: Khi đề bài yêu cầu thể hiện các đối tượng khác nhau về đơn vị nhưng có mối quan hệ với nhau. Hoặc đề bài có từ ba loại số liệu trở lên mà cần biểu diễn trên cùng một biểu đồ. **Ví dụ** biểu đồ thể hiện sản lượng khai thác, nuôi trồng và giá trị sản xuất của Việt Nam.



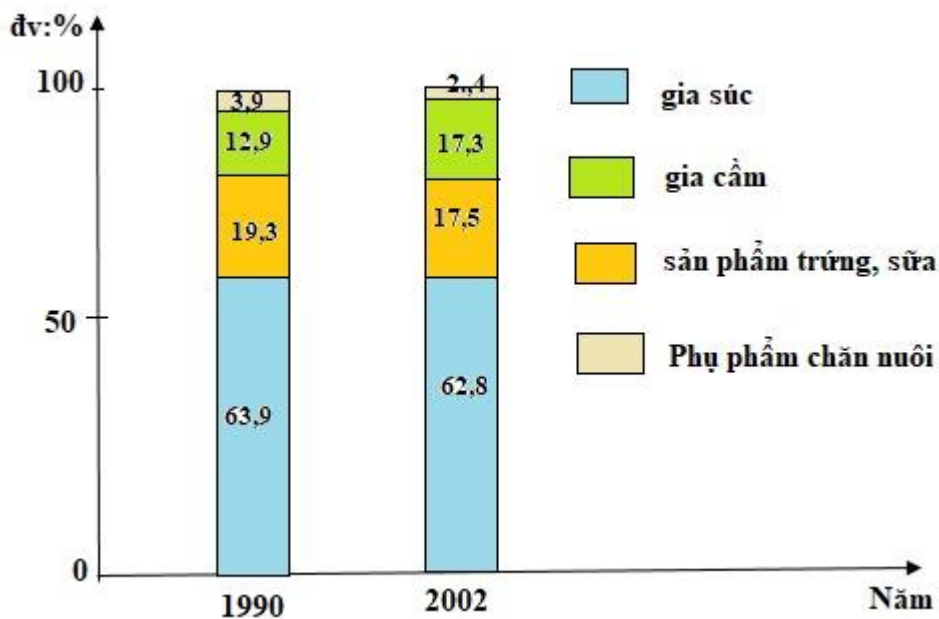
**Biểu đồ thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị trong dân số cả nước giai đoạn 1990 - 2005.**



## 6/ Biểu đồ cột chồng

Khi đề bài yêu cầu thể hiện tốt nhất quy mô và cơ cấu của đối tượng (theo tỉ lệ % tuyệt đối).

Cơ cấu giá trị sản xuất chăn nuôi năm 1990 và 2002



Như vậy, chỉ cần nắm rõ một số từ khóa cùng với khả năng hiểu biết về các dạng biểu đồ thì các em đã có thể tự tin để chọn cho mình những đáp án chính xác nhất. Lưu ý, mỗi dạng biểu đồ có cách thể hiện khác nhau, có thể bằng số liệu tương đối hoặc số liệu tương đối, nên các em cần chú ý điều đó để xử lý và làm bài tốt hơn nhé.

### III. Bài tập tự luận.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu: Dân số và diện tích phân theo vuhnf của nước ta năm 2014

Các vùng	Dân số (nghìn người)	Diện tích (km <sup>2</sup> )
Cả nước	90 728,9	330 915,1
TD&MN Bắc Bộ	12 866,9	101 374,6
ĐBSH	19 505,8	14 948,6
Bắc Trung Bộ	10 405,2	51 523,4
DHNTB	9 117,3	44 436,7
Tây Nguyên	5 525,8	54 641,1
Đông Nam Bộ	15 790,3	23 599,0
ĐBSCL	17 517,6	40 553,1

a. Tính mật độ dân số trung bình của các vùng.

b. Nhận xét và giải thích sự khác nhau về mật độ dân số giữa các vùng của nước ta.

**Câu 2.** Bằng những hiểu biết thực tế, hãy nêu những biểu hiện cụ thể cho thấy chất lượng cuộc sống người dân nước ta ngày càng được cải thiện? Giải thích nguyên nhân?

**Câu 3.** Cho bảng số liệu: Số lao động phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2005 và 2014  
Đơn vị (nghìn người)

Thành phần kinh tế	2005	2014
Nhà nước	4967,4	5473,5
Ngoài nhà nước	36 694,7	45214,4
Có vốn đầu tư nước ngoài	1112,8	2056,6

Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế ở nước ta 2005 và 2014. Nhận xét?

#### IV. Bài tập trắc nghiệm

##### BÀI 3: PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ

**Câu 1:** Vùng có mật độ dân số cao nhất ở nước ta là:

- A. Bắc Trung Bộ    B. Tây Nguyên    C. Đồng bằng sông Hồng    D. Đông Nam Bộ

**Câu 2:** Khu vực có mật độ dân số rất cao ở nước ta là:

- A. thành phố lớn    B. thị xã, thị trấn    C. các cao nguyên    D. vùng núi cao

**Câu 3:** Dân cư nước ta sinh sống chủ yếu ở:

- A. ngoại thành    B. thành phố lớn    C. nông thôn    D. thành thị

**Câu 4:** Người Kinh ở vùng nông thôn sinh sống tập trung thành các điểm dân cư gọi là:

- A. làng, ấp    B. buôn, plây    C. phum, sóc    D. bản, phum

**Câu 5:** Người Tày, Thái, Mường gọi các điểm dân cư là:

- A. làng    B. play    C. phum    D. bản

**Câu 6:** Phum, sóc là tên gọi của các điểm dân cư của người:

- A. Dao    B. Khơ-me    C. Kinh    D. Mường

**Câu 7:** Các điểm dân cư nông thôn thường được phân bố rộng rãi theo lãnh thổ do hoạt động kinh tế chủ yếu dựa vào:

- A. dịch vụ    B. nông nghiệp    C. du lịch    D. công nghiệp

**Câu 8:** Ở vùng nông thôn nước ta, người dân sinh sống tập trung thành các:

- A. siêu đô thị    B. điểm dân cư    C. thành phố lớn    D. đô thị lớn

**Câu 9:** Nội dung nào sau đây không thể hiện quá trình đô thị hóa ở nước ta?

- A. Mở rộng quy mô các thành phố    B. Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị  
C. Số dân thành thị tăng nhanh    D. Tỷ lệ dân nông thôn có xu hướng tăng

**Câu 10:** Các đô thị của nước ta phân bố tập trung chủ yếu ở:

- A. trung du miền núi    B. vùng đồi núi thấp    C. đồng bằng ven biển    D. các bán bình nguyên

**Câu 11:** Đặc điểm nổi bật của quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay là:

- A. quy mô thị ngày càng lớn, trình độ cao  
B. tốc độ ngày càng cao nhưng trình độ còn thấp  
C. tốc độ chậm chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế  
D. mức độ đô thị hóa cao, đồng đều ở khắp các vùng

**Câu 12:** Dân cư nước ta phân bố thưa thớt ở:

- A. thành phố    B. đồng bằng    C. ven biển    D. miền núi

**Câu 13:** Dân cư tập trung đông ở đồng bằng, ven biển và các thành phố lớn là do có:

- A. điều kiện sống thuận lợi    B. nông nghiệp phát triển mạnh  
C. lịch sử khai thác lãnh thổ muộn    D. tập quán cư trú lâu đời

**Câu 14:** Hiện nay, thành phố nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta:

- A. Đà Nẵng    B. TP. Hồ Chí Minh    C. Hà Nội    D. Hải Phòng

**Câu 15:** Hiện nay, vùng có mức độ đô thị hóa cao nhất nước ta là:

- A. ĐHNTB    B. BTB    C. ĐBSH    D. ĐNB

## BÀI 4: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM, CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

**Câu 1: Thế mạnh nổi bật về số lượng lao động của nước ta là:**

- A. Tiếp thu khoa học nhanh  
B. Có phẩm chất cần cù  
C. Dồi dào, tăng nhanh  
D. Nhiều kinh nghiệm sản xuất

**Câu 2: Lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm sản xuất trong ngành:**

- A. khai thác khoáng sản B. thủ công nghiệp C. cơ khí - điện tử D. chế biến thực phẩm

**Câu 3: Trở lại lớn của lao động nước ta là:**

- A. có tính sáng tạo cao  
B. nhiều kinh nghiệm  
C. thích ứng với thị trường  
D. kỉ luật và trình độ chuyên môn

**Câu 4: Việc sử dụng lao động ở nước ta có nhiều thay đổi tích cực, thể hiện ở:**

- A. lao động trong khu vực dịch vụ giảm  
B. lao động trong khu vực nông nghiệp tăng  
C. số lao động có việc làm ngày càng tăng  
D. tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn tăng nhanh

**Câu 5: Cơ cấu sử dụng lao động trong các ngành kinh tế có sự thay đổi tích cực theo hướng:**

- A. tăng tỉ lệ lao động trong các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ  
B. giảm tỉ lệ lao động trong các ngành dịch vụ, tăng công nghiệp - xây dựng  
C. tăng tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ, giảm công nghiệp - xây dựng  
D. giảm tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ, tăng nông - lâm - ngư nghiệp

**Câu 6: Trong điều kiện nền kinh tế nước ta chưa phát triển, nguồn lao động dồi dào tạo nên sức ép rất lớn nên vấn đề:**

- A. nhân lực cho các ngành kinh tế  
B. giải quyết việc làm  
C. hạ giá thành sản phẩm trong nước  
D. xuất khẩu lao động

**Câu 7: Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn chủ yếu là do:**

- A. khôi phục các làng nghề truyền thống  
B. phổ biến rộng rãi lối sống thành thị  
C. đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp  
D. sản xuất nông nghiệp có tính mùa vụ

**Câu 8: Do sản xuất nông nghiệp có tính mùa vụ và sự hạn chế trong việc phát triển ngành nghề đã dẫn đến tình trạng gì ở nông thôn nước ta ?**

- A. Thiếu việc làm B. Dân số tăng nhanh C. Di dân tự phát D. Thất nghiệp trầm trọng

**Câu 9: Chất lượng cuộc sống của người dân nước ta được nâng cao không được biểu hiện ở:**

- A. thu nhập bình quân đầu người tăng  
B. các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn  
C. tỉ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em ngày giảm  
D. nhóm tuổi dưới 15 ngày càng giảm

**Câu 10: Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển con người của thời kì CNH – HĐH đất nước là:**

- A. Sử dụng hợp lí nguồn lao động  
B. Giảm tỉ lệ gia tăng dân số  
C. nâng cao chất lượng cuộc sống  
D. tăng tuổi thọ trung bình

### V. Hướng dẫn trả lời.

#### 1. Phần tự luận:

**Câu 1.** a. Mật độ dân số =  $\frac{\text{Dân số}}{\text{Diện tích}}$  (người/km<sup>2</sup>)

b. Nhận xét và giải thích:

- Vùng có mật độ dân số cao hơn trung bình cả nước:....
- Vùng có mật độ dân số thấp hơn trung bình cả nước :....
- Vùng có mật độ dân số cao nhất:....
- Vùng có mật độ dân số thấp nhất:....

\* Giải thích: dựa vào các điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội

**Câu 2.** \* Nguyên nhân:

- Quá trình đổi mới kinh tế...
- Tình hình chính trị ổn định...
- Thu nhập bình quân đầu người, tuổi thọ trung bình (*dẫn chứng*)

**Câu 3.** - Vẽ biểu đồ dựa vào nội dung lí thuyết phân kĩ năng.

- Nhận xét và giải thích dựa vào bảng số liệu.

**Lưu ý:** Học sinh làm bài ra vở học chiều, nộp bài ghi rõ họ tên, lớp và nộp vào zalo số 0343.582.188 trước ngày 5/4/2020 để lấy điểm thực hành và các đầu điểm tổng kết môn học. HS nào không nộp bài yêu cầu giải trình với giáo viên bộ môn Địa qua số zalo trên.